TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 18-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Diễm Châu**;

Bà **Nguyễn Thị Thanh Sậm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Châu Văn Lộc**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Q, Sinh ngày: 06/10/1983. Nơi sinh: Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1957 (Chết) và bà Đỗ Thị R, sinh năm 1957 (Chết); chưa có vợ và con; anh chị em ruột có 03 người em, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1981; Tiền án: Ngày 29/4/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2022, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Trương Minh T1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Bạch Văn C, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Trường P2, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 28/12/2023 Đỗ Văn Q một mình điều khiển xe mô tô biển số 68T9 - 3138 đi đến ấp Q, xã T, huyện V thì thấy tiệm cắt sắt của anh Nguyễn Thanh D không khóa cửa, không có ai trông coi nên nãy sinh ý định trộm cắp nên đã dừng xe cách tiệm khoảng 07 mét, Q lén lút đi vào trong tiệm lấy trộm ôm 01 máy cắt sắt đem ra xe mô tô định tẩu thoát, lúc này anh D cùng với Nguyễn Trường P2 đang uống nước gần đó nghe tiếng người dân truy hô trộm, anh D và P2 thấy Q chuẩn bị tẩu thoát nên liền đuổi theo bắt giữ Q và trình báo Công an xã T.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 máy cắt sắt; 01 xe mô tô biển số: 68T9 - 3138, nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 2B52-125172, số khung: RLCJ2B5206Y125172; 02 cái kiềm cắt kích thước 18x4cm; 01 cái kéo kích thước 15x3cm; 01 cái cưa cán bằng gỗ kích thước 35x2cm đang tạm giữ các vật chứng này chờ xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra Q còn thừa nhận đã thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn xã T cụ thể:

Ngày 05/11/2023 Q điều khiển xe mô tô: 68T9 - 3138 đi đến nhà anh Nguyễn Văn H1 ngụ ấp Q, xã T, phát hiện nhà không khóa cổng nên lén vào lấy trộm 01 bình phun thuốc bằng INOX và một máy xăng. Sau khi lấy được tài sản Q chạy về hướng số A, thị trấn V bán cho người phụ nữ mua ve chai không biết họ tên, địa chỉ với giá 270.000 đồng, Q dùng số tiền này đổ xăng và mua ma túy sử dụng hết, tài sản này không thu hồi được.

Ngày 29/11/2023 Q điều khiển xe mô tô: 68T9-3138 đi đến nhà anh Nguyễn Thanh H, ngụ ấp Q, xã T, phát hiện ở cặp mé đường đi, trước cửa nhà có 01 bình phun thuốc trừ sâu bằng INOX, Q dừng xe xuống lấy trộm rồi mang ra số 9, xã T bán cho người phụ nữ mua ve chai không rõ họ tên, địa chỉ với giá 70.000 đồng và mua ma túy sử dụng, tài sản này không thu hồi được.

Ngày 30/11/2023 Q điều khiển xe mô tô: 68T9-3138 đi vào nhà ông Bạch Văn C ấp Q, xã T, phát hiện nhà không có cửa rào nên đã lén vào lấy một máy cắt sắt và một hộp sắt (02 máy hàn sắt). Sau đó Q đem ra xã V gặp một người không rõ họ tên, địa chỉ đổi lấy ma túy sử dụng quy đổi ra số tiền là 300.000 đồng. Máy cắt sắt và máy hàn là của anh Trương Minh T1 gửi lại nhà ông C, tài sản này không thu hồi được.

Đối với tài sản trong 03 vụ trộm trên do không thu hồi được và bị hại không có chứng từ mua bán nên Hội đồng định giá tài sản chưa có cơ sở xem xét để định giá. Các bị hại Nguyễn Thanh H, Trương Minh T1, Nguyễn Văn H1 xác định tài sản đã cũ và không yêu cầu Q bồi thường. Riêng bị hại là anh Nguyễn Thanh D đã nhận lại máy cắt sắt bị mất trộm và không yêu cầu gì thêm.

Tại kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 máy cắt sắt có giá trị là 952.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKSVT ngày 08/5/2024 và tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q mức án từ 02 năm đến 03 năm tù. Phạt bổ bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ. Buộc bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính 600.000đ. Về vật

chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số: 68T9 - 3138, nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 2B52-125172, số khung: RLCJ2B5206Y125172 do bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 02 cái kiềm cắt kích thước 18x4cm; 01 cái kéo kích thước 15x3cm; 01 cái cưa cán bằng gỗ kích thước 35x2cm do không có giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không tranh luận gì với kiểm sát viên. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 28/12/2023 bị cáo Đỗ Văn Q đã có hành vi lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại, lén lút đi vào nhà bị hại lấy trộm tài sản gồm: 01 máy cắt sắt có giá trị 952.000 đồng, tuy số tiền bị cáo lấy trộm dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo có tiền án thuộc trường hợp đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên đây là tình tiết định tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không làm oan cho bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng nhân thân bị cáo là xấu vì là đối tượng nghiện ma túy gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cũng cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc lợi dụng lúc bị hại sơ hở, thiếu cảnh giác để thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là để tiêu xài phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo là đối tượng có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng đối với bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhưng phải đảm bảo đủ dài để bị cáo ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình và tiếp tục học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân chấp hành nghiêm pháp luật và cũng răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung 5.000.000đ đối với bị cáo để đảm bảo tính răng đe của pháp luật cũng như để bị cáo nhận thức rõ hơn về hành vi sai phạm của bị cáo làm bài học cảnh tỉnh cho sau này là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173 và của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2024.

Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Truy thu buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số: 68T9 - 3138, nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đỏ đen, số máy: 2B52-125172, số khung: RLCJ2B5206Y125172.

Tịch thu tiêu hủy 02 cái kiềm cắt kích thước 18 x 4cm, 01 cái kéo kích thước 15 x 3cm, 01 cái cưa cán bằng gỗ kích thước 35 x 2cm.

(Vật chứng được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP . Thơ theo Quyết định chuyển vật chứng số: 28/QĐ-VKSVT ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP .).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thanh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Ánh Đào